

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**DANH SÁCH TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP, GIÁM ĐỊNH VIÊN TƯ PHÁP
VÀ NGƯỜI GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP THEO VỤ VIỆC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG NĂM 2022**

*(Kèm theo Quyết định số 596/QĐ-UBND ngày 25/3 /2022
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

DANH SÁCH TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP CÔNG LẬP

STT	TÊN TỔ CHỨC	ĐỊA CHỈ	ĐIỆN THOẠI
1	PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ, CÔNG AN TỈNH (Quyết định số 7416/QĐ-UB-TC ngày 03/12/1997 của UBND tỉnh)	Số 06, đường Tôn Đức Thắng, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang	02963.846.100 (Tổng đài Công an tỉnh 0693.640.100)
2	TRUNG TÂM PHÁP Y TỈNH, SỞ Y TẾ (Quyết định số 813/QĐ-UBND ngày 28/3/2016 của UBND tỉnh)	Số 11, đường Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang	02963.852.293

DANH SÁCH TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP THEO VỤ VIỆC

STT	TÊN TỔ CHỨC	LĨNH VỰC	CHUYÊN NGÀNH	NGƯỜI ĐẠI DIỆN
1	Trung tâm Tư vấn và Kiểm định xây dựng An Giang. Địa chỉ: số 1 đường Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang (Quyết định số 1562/QĐ-UBND ngày 15/8/2015 của UBND tỉnh)	Xây dựng	1. Giám định tư pháp về sự tuân thủ các quy định của pháp luật trong hoạt động đầu tư xây dựng. 2. Giám định tư pháp về chất lượng khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng công trình. 3. Giám định tư pháp về chất lượng bộ phận công trình xây dựng, công trình xây dựng và sự cố công trình xây dựng. 4. Giám định tư pháp về chi phí đầu tư xây dựng công	Ông Lê Hoàng Minh. Giám đốc Trung tâm Tư vấn và Kiểm định xây dựng An Giang

			trình, giá trị công trình và các chi phí khác có liên quan.	
2	Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng và giao thông An Giang. Địa chỉ: số 4E3, đường Thành Thái, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang (Quyết định số 1562/QĐ-UBND ngày 15/8/2015 của UBND tỉnh)	Xây dựng	1. Giám định tư pháp về sự tuân thủ các quy định của pháp luật trong hoạt động đầu tư xây dựng. 2. Giám định tư pháp về chất lượng khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng công trình. 3. Giám định tư pháp về chất lượng bộ phận công trình xây dựng, công trình xây dựng và sự cố công trình xây dựng. 4. Giám định tư pháp về chất lượng vật liệu, sản phẩm xây dựng, thiết bị công trình. 5. Giám định tư pháp về chi phí đầu tư xây dựng công trình, giá trị công trình và các chi phí khác có liên quan.	Ông Nguyễn Thanh Sơn, Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng và giao thông An Giang

DANH SÁCH GIÁM ĐỊNH VIÊN TƯ PHÁP

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ, đơn vị	Tình trạng		Lĩnh vực chuyên môn (2)	Ngày, tháng, năm bổ nhiệm giám định viên tư pháp	Ghi chú
				Chuyên trách	Kiểm nhiệm			
I. KỸ THUẬT HÌNH SỰ: 20								
1	Phan Văn Thơ	1958		x		Giám định tài liệu	Quyết định số 2059/QĐ-UBND ngày 08/10/1998	Nghỉ hưu
2	Nguyễn Thanh Hải	1968	Thượng tá. Phó Trưởng phòng Kỹ thuật hình sự	x		Giám định tài liệu	Quyết định số 7416/QĐ-UBND ngày 03/12/1997	
3	Nguyễn Quốc Việt	1966	Thượng tá. Phó Trưởng phòng Kỹ thuật hình sự	x		Giám định dấu vết cơ học, súng đạn	Quyết định số 2280/QĐ-UBND ngày 07/10/2009	

4	Nguyễn Kiều Thúy	1975	Thượng tá. Phó Trưởng phòng Kỹ thuật hình sự	x		Giám định tài liệu	Quyết định số 170/QĐ-UBND ngày 27/01/2015	
5	Nguyễn Phước Thịnh	1971	Trung tá. Đội trưởng – Phòng Kỹ thuật hình sự	x		Giám định kỹ thuật số - điện tử	Quyết định số 3808/QĐ-UBND ngày 22/12/2017	
6	Trần Quốc Hà	1977	Trung tá. Đội Trưởng – Phòng Kỹ thuật hình sự	x		Giám định dấu vết đường vân; Giám định tài liệu	Quyết định số 246/QĐ-UBND ngày 04/9/2008 Quyết định số 281/QĐ-UBND ngày 11/02/2020	
7	Nguyễn Thị Mỹ Hà	1979	Trung tá, Đội Trưởng - Phòng Kỹ thuật hình sự	x		Giám định hóa học	Quyết định số 2281/QĐ-UBND ngày 07/10/2009	
8	Đình Hoàng Diệt	1984	P. Phòng an ninh mạng và phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao	x		Giám định sinh học	Quyết định số 1890/QĐ-UBND ngày 30/10/2012	
9	Nguyễn Thành Sang	1984	Thiếu tá, Phó đội trưởng. Phòng Kỹ thuật hình sự	x		Giám định tài liệu	Quyết định số 2581/QĐ-UBND ngày 13/12/2013	
10	Nguyễn Tấn Huy	1980	Trung tá. Phó Đội Trưởng. Phòng Kỹ thuật hình sự	x		Giám định kỹ thuật	Quyết định số 1061/QĐ-UBND ngày 23/5/2013	
11	Trương Công Văn	1984	Thiếu tá – cán bộ	x		Giám định tài liệu	Quyết định số 13/QĐ-UBND ngày 07/01/2015	
12	Trần Thị Trang	1988	Phòng Công tác chính trị	x		Giám định sinh học	Quyết định số 13/QĐ-UBND ngày 07/01/2015	
13	Nguyễn Hòa Bình	1985	Công an huyện Châu Thành	x		Giám định kỹ thuật số - điện tử	Quyết định số 283/QĐ-UBND ngày 11/02/2020	

14	Giáp Thanh Tiền	1984	P. Phòng an ninh mạng và phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao	x		Giám định kỹ thuật số - điện tử; Giám định dấu vết đường vân	Quyết định số 13/QĐ-UBND ngày 07/01/2015 Quyết định số 3812/QĐ-UBND ngày 22/12/2017	
15	Vũ Văn Xuyến	1989	Đại úy – cán bộ	x		Giám định pháp y	Quyết định số 3811/QĐ-UBND ngày 22/12/2017	
16	Cao Dương Hoài Thu	1988	Đại úy – cán bộ	x		Giám định sinh học	Quyết định số 3807/QĐ-UBND ngày 22/12/2017	
17	Nguyễn Đăng Khoa	1978	Thiếu tá – cán bộ	x		Giám định tài liệu	Quyết định số 50/QĐ-UBND ngày 10/01/2018	
18	Trương Công Toàn	1990	Đại úy – cán bộ	x		Giám định pháp y	Quyết định số 3809/QĐ-UBND ngày 22/12/2017	
19	Nguyễn Thanh Sơn	1979	Thiếu tá – cán bộ	x		Giám định dấu vết cơ học	Quyết định số 282/QĐ-UBND ngày 11/02/2020	
20	Trần Mạnh Phi	1989	Đại úy – cán bộ	x		Giám định tài liệu	Quyết định số 284/QĐ-UBND ngày 11/02/2020	
II. PHÁP Y: 10								
21	Nguyễn Quang Hiền		Giám đốc Trung tâm Pháp y	x		Pháp y	Quyết định số 195/QĐ-UBND ngày 07/02/2006	
22	Nguyễn Liên Hiệp	1969	Chấn thương chỉnh hình		x	Pháp y	Quyết định số 468/QĐ-UBND ngày 07/02/2006	
23	Trần Thanh Phong	1970	Khoa nội		x	Pháp y	Quyết định số 468/QĐ-UBND ngày 07/02/2006	
24	Nguyễn Văn Khoa	1967	Giải phẫu		x	Pháp y	Quyết định số 468/QĐ-UBND ngày 07/02/2006	
25	Bùi Thị Xuân Nga	1966	Khoa Tai Mũi Họng		x	Pháp y	Quyết định số 468/QĐ-UBND ngày 07/02/2006	
26	Trần Tuấn Huy	1969	Phó Giám đốc Trung tâm Tai - Mắt - Mũi - Họng		x	Pháp y	Quyết định số 468/QĐ-UBND ngày 26/5/2006	

27	Trương Văn Thống	1968	Kỹ thuật viên giám định thương tật	x		Pháp y	Quyết định số 468/QĐ-UBND ngày 18/3/2013	
28	Dương Thị Truyền	1954	Răng hàm mặt		x	Pháp y	Quyết định số 468/QĐ-UBND ngày 07/02/2006	
29	Lê Thị Hồng Nga	1975	Trưởng phòng Tổ chức hành chính – Trung tâm Giám định Pháp y	x		Pháp y	Quyết định số 2008/QĐ-UBND ngày 17/8/2018	
30	Huỳnh Tuấn Nhi		Trưởng phòng Kế hoạch – tài chính, Trung tâm Giám định pháp y	x		Pháp y	Quyết định số 1131/QĐ-UBND ngày 14/5/2019	
III. VĂN HÓA: 04								
31	Trương Bá Trạng	1966	Phó Giám đốc - Sở Văn hóa, Thể thao, Du lịch		x	Văn hóa	Quyết định số 1180/QĐ-UBND ngày 29/7/2014	
32	Đào Sĩ Tuấn	1966	Phó Giám đốc - Sở Văn hóa, Thể thao, Du lịch		x	Văn hóa	Quyết định số 1180/QĐ-UBND ngày 29/7/2014	
33	Bùi Thị Phương Mai	1975	Trưởng phòng Quản lý Văn hóa		x	Văn hóa	Quyết định số 702/QĐ-UBND ngày 29/3/2018	
34	Dương Văn Phong	1969	Phó Trưởng phòng Quản lý Văn hóa		x	Văn hóa	Quyết định số 1180/QĐ-UBND ngày 29/7/2014	
IV. TÀI CHÍNH: 01								
35	Trần Đình Thư	1963	Phó Chánh Thanh tra - Sở Tài chính		x	Tài chính	Quyết định số 1153/QĐ-UBND ngày 14/4/2017	
36	Liêu Anh Kiệt	1984	Phòng TC - KH huyện Chợ Mới		x	Tài chính	Quyết định số 160/QĐ-UBND ngày 25/01/2022	
37	Từ Phú Tiên	1982	Phòng TC - KH huyện Châu Thành		x	Tài chính	Quyết định số 161/QĐ-UBND ngày 25/01/2022	
38	Trần Phước Hữu	1976	Phòng TC - KH huyện		x	Tài chính	Quyết định số 162/QĐ-UBND	

			Thoại Sơn				ngày 25/01/2022	
39	Nguyễn Đức Huy	1980	Phòng TC - KH huyện Phú Tân		x	Tài chính	Quyết định số 163/QĐ.UBND ngày 25/01/2022	
40	Nguyễn Thị Huệ	1973	Phòng TC - KH thị xã Tân Châu		x	Tài chính	Quyết định số 164/QĐ.UBND ngày 25/01/2022	
41	Nguyễn Huy Cường	1970	Phòng TC - KH huyện Châu Phú		x	Tài chính	Quyết định số 165/QĐ.UBND ngày 25/01/2022	
42	Lê Phát Tân	1990	Phòng TC - KH huyện Tri Tôn		x	Tài chính	Quyết định số 166/QĐ.UBND ngày 25/01/2022	
43	Nguyễn Thị Thùy Trang	1975	Phòng TC - KH thành phố Long Xuyên		x	Tài chính	Quyết định số 167/QĐ.UBND ngày 25/01/2022	
44	Đinh Ngọc Thanh Tuyền	1981	Sở Tài chính		x	Tài chính	Quyết định số 159/QĐ.UBND ngày 25/01/2022	
45	Trần Quang Vinh	1986	Sở Tài chính		x	Tài chính	Quyết định số 159/QĐ.UBND ngày 25/01/2022	
46	Nguyễn Thị Thùy Trang		Sở Tài chính		x	Tài chính	Quyết định số 159/QĐ.UBND ngày 25/01/2022	
V. NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT: 04								
47	Nguyễn Tâm Em	14/9/1981	Trưởng phòng Quản lý chất lượng-Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản Thủy sản		x	Thủy sản	Quyết định số 1174/QĐ.UBND ngày 29/6/2010	
48	Trần Anh Dũng	25/8/1967	Trưởng phòng Khoa học công nghệ và môi trường		x	Thủy sản	Quyết định số 1174/QĐUB ngày 29/6/2010	
49	Diệp Thế Phân	1962	Phó Trưởng phòng Hành chính tổng hợp-Chi cục chăn nuôi -Thú y		x	chăn nuôi - Thú y	Quyết định số 701/QĐ.UBND ngày 29/3/2018	

VI. TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG: 01								
50	Đặng Tiến Thịnh	1970	Chuyên viên Chi cục quản lý đất đai		x	Đo đạc bản đồ	Quyết định số 3071/QĐ-UBND ngày 17/10/2017	
VII. KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ: 01								
51	Lê Hữu Thanh	1968	Phó Giám đốc Trung tâm ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ		x	Khoa học công nghệ	Quyết định số 1174/QĐ.UBND ngày 29/6/2010	
VIII. XÂY DỰNG: 02								
52	Lê Hoàng Minh	1959	Giám đốc Trung tâm Tư vấn và Kiểm định xây dựng		x	Xây dựng	Quyết định số 1174/QĐ.UBND ngày 29/6/2010	Nghỉ hưu
53	Trần Anh Quân	1969	Phó Giám đốc Trung tâm Tư vấn và Kiểm định xây dựng		x	Xây dựng	Quyết định số 1882/QĐ.UBND ngày 09/8/2018	
IX. Y TẾ: 02								
54	Lê Minh Uy	1965	Phó GD Trung tâm kiểm soát bệnh tật - Sở Y tế		x	VS-ANTP	Quyết định số 1434/QĐ.UBND ngày 22/8/2011	
55	Trần Thanh Hằng	1981	Sở Y tế		x	VS-ANTP	Quyết định số 1434/QĐ.UBND ngày 22/8/2011	Đang làm thủ tục miễn nhiệm
X. THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG: 05								
56	Lê Việt Phương	1976	Phó Hiệu trưởng Trường Cao đẳng nghề		Kiểm nhiệm	Thông tin và truyền thông	Quyết định số 2260/QĐ-UBND ngày 01/10/2021	

57	Trần Trung Hiếu	1974	Sở Thông tin và truyền thông		Kiểm nhiệm	Thông tin và truyền thông	Quyết định số 2260/QĐ-UBND ngày 01/10/2021	
58	Võ Minh Tuấn	1982	Sở Thông tin và truyền thông		Kiểm nhiệm	Thông tin và truyền thông	Quyết định số 2260/QĐ-UBND ngày 01/10/2021	
59	Huỳnh Văn Trim	1968	Sở Thông tin và truyền thông		Kiểm nhiệm	Thông tin và truyền thông	Quyết định số 868/QĐ.UBND ngày 17/3/2017	
60	Đỗ Quang Vinh	1980	Sở Thông tin và truyền thông		Kiểm nhiệm	Thông tin và truyền thông	Quyết định số 1044/QĐ.UBND ngày 04/4/2017	
XI. THUẾ								
61	Nguyễn Bảo Huy	1973	TP. Kế khai và kế toán thuế - Cục thuế tỉnh		Kiểm nhiệm	Thuế	Quyết định số 2521/QĐ.BTC ngày 02/12/2019	
62	Nguyễn Hữu Đức	1972	Trưởng phòng Thanh tra - Kiểm tra số 01- Cục thuế tỉnh		Kiểm nhiệm	Thuế	Quyết định số 2521/QĐ.BTC ngày 02/12/2019	
63	Lý Hoàng Trọng	1970	Phó Chi cục trưởng Chi cục Thuế khu vực Chợ Mới – Phú Tân		Kiểm nhiệm	Thuế	Quyết định số 2521/QĐ.BTC ngày 02/12/2019	
64	Lê Văn Nhờ	1968	Phó Chi cục trưởng Chi cục Thuế khu vực Tịnh Biên – Tri Tôn		Kiểm nhiệm	Thuế	Quyết định số 2521/QĐ.BTC ngày 02/12/2019	
65	Trương Minh Hải	1973	Phó Chi cục trưởng				Quyết định số 2521/QĐ.BTC ngày	

			Chi cục Thuế khu vực Tân Châu – An Phú		Kiểm nhiệm	Thuế	02/12/2019	
66	Nguyễn Đức Dũng	1966	Chi cục trưởng Chi cục Thuế khu vực Chợ Mới – Phú Tân		Kiểm nhiệm	Thuế	Quyết định số 2521/QĐ.BTC ngày 02/12/2019	
67	Trần Văn Dàng	1969	Phó trưởng phòng thanh tra kiểm tra số 2 – Cục thuế tỉnh		Kiểm nhiệm	Thuế	Quyết định số 2521/QĐ.BTC ngày 02/12/2019	
68	Trương Tấn Sang	1971	Phó trưởng phòng phụ trách thanh tra kiểm tra số 3 – Cục thuế tỉnh		Kiểm nhiệm	Thuế	Quyết định số 2521/QĐ.BTC ngày 02/12/2019	
69	Trương Huy Hùng	1962	Phó trưởng phòng nghiệp vụ - dự toán – pháp chế - Cục thuế tỉnh		Kiểm nhiệm	Thuế	Quyết định số 2521/QĐ.BTC ngày 02/12/2019	
70	Trần Hoàng Phong	1966	Trưởng phòng tuyên truyền – Hỗ trợ người nộp thuế - Cục thuế tỉnh		Kiểm nhiệm	Thuế	Quyết định số 2521/QĐ.BTC ngày 02/12/2019	
71	Lê Khương Thoại	1966	Phó chi cục trưởng chi cục TPLX		Kiểm nhiệm	Thuế	Quyết định số 2521/QĐ.BTC ngày 02/12/2019	
72	Nguyễn Thành Tuấn	1967	Phó Chi cục trưởng chi cục thuế khu vực Châu Đốc – Châu Phú		Kiểm nhiệm	Thuế	Quyết định số 2521/QĐ.BTC ngày 02/12/2019	
	Nguyễn Thị Thu Trang	1977	Phó đội trưởng chi cục thuế khu vực		Kiểm	Thuế	Quyết định số 2521/QĐ.BTC ngày 02/12/2019	

73			Châu Đốc – Châu Phú		nhiệm			
74	Nguyễn Thị Minh Phượng	1969	Phó Chi cục trưởng chi cục thuế khu vực Châu Thành		Kiểm nhiệm	Thuế	Quyết định số 2521/QĐ.BTC ngày 02/12/2019	
75	Trần Thanh Hà	1970	Đội trưởng chi cục thuế huyện Thoại Sơn		Kiểm nhiệm	Thuế	Quyết định số 2521/QĐ.BTC ngày 02/12/2019	
76	Nguyễn Quốc Thi	1974	Phó đội trưởng chi cục thuế khu vực Tịnh Biên – Tri Tôn		Kiểm nhiệm	Thuế	Quyết định số 2521/QĐ.BTC ngày 02/12/2019	
77	Lê Ái Quân	1977	Cục Hải quan tỉnh			Thuế	Quyết định số 1845/QĐ-BTC ngày 21/9/2021	
XII. NGÂN HÀNG								
78	Huỳnh Văn Chính	1962	Trưởng phòng. Phòng Tiền tệ, Kho quỹ và Hành chính – Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh An Giang		x	Hoạt động ngân hàng	Quyết định số 516/QĐ-NHNN ngày 24/03/2020 của Thống đốc NHNN Việt Nam	
79	Lê Đỗ Ngọc Đĩnh	1990	Phó Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng – Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh An Giang		x	Hoạt động ngân hàng	Quyết định số 516/QĐ-NHNN ngày 24/03/2020 của Thống đốc NHNN Việt Nam	
80	Nguyễn Minh Đức	1990	Thanh tra viên. Thanh tra, giám sát ngân hàng – Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh An Giang		x	Hoạt động ngân hàng	Quyết định số 516/QĐ-NHNN ngày 24/03/2020 của Thống đốc NHNN Việt Nam	

81	Trần Lăng Hoàng Hạc	1984	Thanh tra viên. Thanh tra, giám sát ngân hàng – Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh An Giang		x	Hoạt động ngân hàng	Quyết định số 516/QĐ-NHNN ngày 24/03/2020 của Thống đốc NHNN Việt Nam	
82	Lê Tiến Lập	1988	Thanh tra viên. Thanh tra, giám sát ngân hàng – Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh An Giang		x	Hoạt động ngân hàng	Quyết định số 516/QĐ-NHNN ngày 24/03/2020 của Thống đốc NHNN Việt Nam	
83	Nguyễn Thị Thúy Loan	1985	Thanh tra viên. Thanh tra, giám sát ngân hàng – Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh An Giang		x	Hoạt động ngân hàng	Quyết định số 516/QĐ-NHNN ngày 24/03/2020 của Thống đốc NHNN Việt Nam	
84	Lê Thị Thanh Mai	1973	Phó Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng – Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh An Giang		x	Hoạt động ngân hàng	Quyết định số 516/QĐ-NHNN ngày 24/03/2020 của Thống đốc NHNN Việt Nam	
85	Lưu Nguyễn Bảo Ngọc	1983	Phó Trưởng phòng. Phòng Kế toán – Thanh toán – Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh An Giang		x	Hoạt động ngân hàng	Quyết định số 516/QĐ-NHNN ngày 24/03/2020 của Thống đốc NHNN Việt Nam	
86	Nguyễn Thị Tuyết	1968	Phó Trưởng phòng. Phòng Tiền tệ, Kho quỹ và Hành chính – Ngân hàng Nhà		x	Hoạt động ngân	Quyết định số 516/QĐ-NHNN ngày 24/03/2020 của Thống đốc NHNN Việt Nam	

			nước chi nhánh tỉnh An Giang			hàng		
87	Trần Thị Tuyết	1988	Thanh tra viên. Thanh tra, giám sát ngân hàng – Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh An Giang		x	Hoạt động ngân hàng	Quyết định số 516/QĐ-NHNN ngày 24/03/2020 của Thống đốc NHNN Việt Nam	
88	Trần Trọng Triết	1968	Thanh tra viên. Thanh tra, giám sát ngân hàng – Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh An Giang		x	Hoạt động ngân hàng	Quyết định số 516/QĐ-NHNN ngày 24/03/2020 của Thống đốc NHNN Việt Nam	
89	Nguyễn Bảo Trúc	1975	Chánh thanh tra, giám sát ngân hàng – Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh An Giang		x	Hoạt động ngân hàng	Quyết định số 516/QĐ-NHNN ngày 24/03/2020 của Thống đốc NHNN Việt Nam	
XIII. GIAO THÔNG VẬN TẢI								
90	Nguyễn Thiện Bằng	23/11/1969	Trung Tâm Đăng kiểm phương tiện thủy, bộ - Sở Giao thông Vận tải		X	Giao thông Vận tải	Quyết định số 1777/QĐ-UBND ngày 19/7/2019	
91	Hồ Minh Ưc	25/10/1967	Trung Tâm Đăng kiểm phương tiện thủy, bộ - Sở Giao thông Vận tải		X	Giao thông Vận tải	Quyết định số 1777/QĐ-UBND ngày 19/7/2019	
92	Nguyễn Trung Hiếu	08/11/1981	Trung Tâm Đăng kiểm phương tiện thủy, bộ - Sở Giao		X	Giao thông Vận tải	Quyết định số 1784/QĐ-UBND ngày 19/7/2019	

			thông Vận tải					
93	Huỳnh Công Tấn	01/01/1980	Trung Tâm Đăng kiểm phương tiện thủy, bộ - Sở Giao thông Vận tải		X	Giao thông Vận tải	Quyết định số 1780/QĐ-UBND ngày 19/7/2019	
94	Nguyễn Văn Thuận	13/9/1980	Trung Tâm Đăng kiểm phương tiện thủy, bộ - Sở Giao thông Vận tải		X	Giao thông Vận tải	Quyết định số 1781/QĐ-UBND ngày 19/7/2019	
95	Phan Thái Bảo	20/5/1987	Trung Tâm Đăng kiểm phương tiện thủy, bộ - Sở Giao thông Vận tải		X	Giao thông Vận tải	Quyết định số 1782/QĐ-UBND ngày 19/7/2019	
96	Trương Văn Cường	25/3/1990	Trung Tâm Đăng kiểm phương tiện thủy, bộ - Sở Giao thông Vận tải		X	Giao thông Vận tải	Quyết định số 461/QĐ-UBND ngày 14/3/2022	
97	Nguyễn Hoài Nhân	22/01/1988	Trung Tâm Đăng kiểm phương tiện thủy, bộ - Sở Giao thông Vận tải		X	Giao thông Vận tải	Quyết định số 461/QĐ-UBND ngày 14/3/2022	

DANH SÁCH NGƯỜI GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP THEO VỤ VIỆC

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Lĩnh vực chuyên môn	Kinh nghiệm trong hoạt động chuyên môn và hoạt động giám định tư pháp	Quyết định công nhận
I. XÂY DỰNG					
1	Nguyễn Thanh Sơn	25/12/1969	Xây dựng	1. Giám định tư pháp về sự tuân thủ các quy định của pháp luật trong hoạt động đầu tư xây dựng. 2. Giám định tư pháp về chất lượng khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng công trình. 3. Giám định tư pháp về chất lượng bộ phận công trình xây dựng, công trình xây dựng và sự cố công trình xây dựng. 4. Giám định tư pháp về chất lượng vật liệu, sản phẩm xây dựng, thiết bị công trình. 5. Giám định tư pháp về chi phí đầu tư xây dựng công trình, giá trị công trình và các chi phí khác có liên quan.	
2	Lâm Phú Tân	16/12/1975	Xây dựng	1. Giám định tư pháp về chất lượng khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng công trình. 2. Giám định tư pháp về chất lượng bộ phận công trình xây dựng, công trình xây dựng và sự cố công trình xây dựng. 3. Giám định tư pháp về chất lượng vật liệu, sản phẩm xây dựng, thiết bị công trình.	
3	Nguyễn Thị Hào	26/10/1976	Xây dựng	1. Giám định tư pháp về sự tuân thủ các quy định của pháp luật trong hoạt động đầu tư xây dựng. 2. Giám định tư pháp về chất lượng khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng công trình. 3. Giám định tư pháp về chất lượng bộ phận công trình xây dựng, công trình xây dựng và sự cố công trình xây dựng. 4. Giám định tư pháp về chi phí đầu tư xây dựng công trình, giá trị công trình và các chi phí khác có liên quan.	

II. CÔNG THƯƠNG					
4	Vương Đức Cường	1972	Kỹ sư cơ khí	Quản lý nhà nước về lĩnh vực Công nghiệp	
5	Nguyễn Minh Triết	1984	Kỹ sư điện công nghiệp	Quản lý nhà nước về lĩnh vực điện lực	
6	Đỗ Thành Danh	1982	Cao đẳng điện tử, Cử nhân quản trị kinh doanh	Quản lý năng lượng về lĩnh vực điện lực	
III. NGÂN HÀNG					
7	Phan Huỳnh Vững	14/06/1990	Kinh tế, tài chính ngân hàng	Hoạt động ngân hàng	116/QĐ-ANG ngày 16/8/2021